

Bản án số:31/2021/DSST

Ngày 28 - 6-2021

“V/v: Kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Hà Thị Hương.

2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2020/TLST-DS, ngày 07/10/2020, về việc *“kiện đòi tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Triệu Tắc S, sinh năm 1943. *Có mặt*

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Triệu Tắc S: Ông Hoàng Văn C- Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk L. *Có mặt*

Địa chỉ: 39 Lý Thường K, Tp. B, tỉnh Đ

2. Bị đơn: Anh Triệu Quý Q và chị Lục Thị T. *Có mặt*

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

3. Người làm chứng:

- Ông Đặng Văn S - *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Bà H Nhơn R (A Mí P) - *Có đơn xin vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn W, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Ông Lương Văn V – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đ.

- Ông Phạm Văn L – *Có đơn xin vắng mặt.*

Địa chỉ: 51 Nguyễn Chí T, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn:** Theo nội đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Triệu Tắc S trình bày:

Năm 1998, gia đình ông Triệu Tắc S (*ông S*) khai hoang được 01 mảnh đất có diện tích 13.602 m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 41, địa chỉ tại xã E, huyện C, tỉnh Đ. Năm 2000, anh Triệu Quý Q là con trai ông S lập gia đình riêng nên ông S đã chia cho anh Q 1/2 diện tích đất này để làm ăn, canh tác. Việc tặng cho giữa ông S với anh Q chỉ nói miệng với nhau chứ không lập văn bản, giấy tờ gì.

Ngoài ra cũng vào năm 1998, ông S nhận chuyển nhượng của ông Lương V (*ông Lương Văn V*), địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C 01 thửa đất có diện tích 5,905 m², có thửa số 94, tờ bản đồ số 42, địa chỉ tại xã E, huyện C, tỉnh Đ. Đến năm 1999 thì Triệu Quý Q đã tự ý trồng cà phê trên diện tích đất này cho đến nay.

Tháng 9/1998, ông S được Lâm trường Buôn W cấp cho mảnh đất thổ cư để làm nhà ở. Năm 2000, sau khi anh Q lập gia đình thì ông S cho vợ chồng Anh Triệu Quý Q và chị Lục Thị T (*vợ chồng anh Q*) mượn mảnh đất này để làm nhà ở. Đến năm 2014 vợ chồng anh Q đã chuyển nhượng thửa đất này cho một người khác, khi chuyển nhượng vợ chồng anh Q cũng xin ý kiến của ông S và được ông S đồng ý. Vợ chồng anh Q chuyển nhượng mảnh đất này với giá 100.000.000đ, ông S hỏi xin 2.000.000đ nhưng vợ chồng Q không cho. Tuy nhiên sau này anh Q có biểu ông S số tiền là 10.000.000 đồng.

Theo ông S nguyên nhân dẫn đến việc khởi kiện vợ chồng anh Q là do trước đây vợ chồng anh Q dám kiện ông S ra Tòa án, cho nên ông S không đồng ý cho vợ chồng anh Q 03 thửa đất trên nữa, ông yêu cầu vợ chồng anh Q phải trả cho ông S giá trị 03 thửa đất là 300.000.000 đồng; tương đương mỗi thửa là 100.000.000 đồng, trừ đi số tiền ông đã nhận trước đây của anh Q là 10.000.000 đồng, còn lại 290.000.000 đồng. Nay ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Q còn phải trả cho ông S số tiền là 290.000.000 đồng, ông S chỉ kiện yêu cầu vợ chồng anh Q trả cho ông một khoản tiền chứ không yêu cầu giải quyết về tranh chấp đất.

*** Bị đơn:** Tại bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh Triệu Quý Q, chị Lục Thị T trình bày:

Vào năm 1998, bố tôi là ông Triệu Tắc S cùng gia đình khai hoang được 05 sào đất tại khu vực tiểu 334, bản thân anh Q cũng khai hoang được 05 sào đất liền kề với thửa đất trên. Đến năm 2004 do sức khỏe yếu, không đủ sức khỏe để làm nên ông S đã sang nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng anh Q (05 sào) với giá tiền là 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), vợ chồng anh Q đã trả đủ tiền cho ông S và hai bên có viết giấy sang nhượng vào ngày 20/11/2004 (*âm lịch*), do anh Q không biết chữ nên ông S là người trực tiếp viết và ký giấy sang nhượng. Đến năm 2017 thì vợ chồng anh Q tiến hành làm thủ kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất đối với thửa đất đã nhận sang nhượng của ông S và thửa đất anh Q tự khai hoang. Sau khi đo đạc thực tế và được Ủy ban nhân dân

(UBND) huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 651816, thửa số 56, tờ bản đồ 41, diện tích 13.347,1m², cấp ngày 10/4/2017 cho vợ chồng anh Q.

Ngày 03/02/2006, vợ chồng anh Q có nhận chuyển nhượng thêm của ông Triệu Tắc S 01 thửa đất có diện tích khoảng hơn 05 sào (5904,9m²). Nguồn gốc thửa đất này là do trước đây ông Smua (*nhận chuyển nhượng*) của ông Lương Văn V (*còn gọi là Lương V*). Khi chuyển nhượng hai bên cũng làm giấy viết tay với nhau, người trực tiếp viết giấy là ông Đặng Văn S, Buôn trưởng Buôn D, đồng thời ông S cũng ký là người làm chứng; ông S ký người chuyển nhượng, hai bên thỏa thuận giá lúc bấy giờ là 2.500.000 đồng, chị Tám (*vợ anh Q*) Là người trực tiếp trả tiền cho ông S. Hiện tại thửa đất này cũng đã được UBND huyện Cư M'gar cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 651815, thửa số 94, tờ bản đồ 42, diện tích là 5.904,9m², cấp ngày 10/4/2017 cho vợ chồng anh Q

Đối với thửa đất ở còn lại; thì vào năm 2000 vợ chồng anh Q nhận chuyển nhượng của gia đình hộ người đồng bào người Ê Đê là chồng bà H Nhơn R (A Mí P), địa chỉ Buôn W, xã E, huyện C, thửa đất này có diện tích khoảng 1.000m² với giá là 100.000 đồng, riêng thửa đất này không liên quan gì đến ông S. Do không có nhu cầu sử dụng nên vào năm 2016 vợ chồng anh Q đã chuyển nhượng lại cho ông Lý Minh D và ông Lục Văn H, khi chuyển nhượng thửa đất này vợ chồng anh Q đã biểu ông S số tiền là 10.000.000đ.

Đối với 02 thửa đất nhận chuyển nhượng của ông S. Tại thời điểm làm thủ tục, kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo yêu cầu của UBND xã E, huyện C thì giữa ông S và anh Q đã lập lại hợp đồng là giấy cho tặng QSD đất với nhau, có sự xác nhận của UBND xã E để làm căn cứ xin cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do vậy việc ông S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q phải tiếp tục trả cho ông S số tiền 290.000.000đ là không có căn cứ, vợ chồng anh Q không đồng ý.

*** Người làm chứng:**

- Ông Đặng Văn S trình bày:

Vào năm 2006, thời điểm đó ông S đang là Buôn trưởng Buôn D, xã E, theo ông chứng kiến thì ông Triệu Tắc S có chuyển nhượng cho vợ chồng anh Triệu Quý Q 05 sào đất, lúc đó vợ chồng anh Q có bảo ông làm chứng giúp việc sang nhượng giữa hai bên. Hai bên có làm hợp đồng viết giấy tay, ông S ký người làm chứng, vợ chồng anh Q mà trực tiếp là chị Lục Thị T (*con dâu ông S*) đã trực tiếp trả cho ông S số tiền 2.500.000 đồng.

- Bà H Nhơn R trình bày:

Trước đây gia đình bà có 01 mảnh đất khai hoang, do không có nhu cầu sử dụng nên vào năm 2000 vợ chồng bà H Nhơn R đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng anh Q, thửa đất này có diện tích khoảng hơn 1.000m², việc giao dịch diễn ra giữa chồng bà là ông Y Nay T (*đã chết năm 2018*) và anh Q. Thửa đất này là của ông bà khai hoang mà có, không liên quan gì đến ông Triệu Tắc S. Tại thời điểm sang nhượng thửa đất này chưa được cấp giấy tờ và gia đình bà cũng chỉ lấy tiền

công khai hoang là 100.000 đồng.

- Ông Lương Văn V (*còn gọi là Lương V*) trình bày:

Ông Lương Văn V có nhận được giấy triệu tập của Tòa án tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Tuy nhiên vì lý do sức khỏe ông không thể tham gia tại Tòa án được.

- Ông Phan Văn L (*nguyên Phó Giám đốc Lâm trường Buôn W*) trình bày:

Tại thời điểm ông còn làm việc tại (*phó Giám đốc*) Lâm trường Buôn W, các hộ đồng bào dân tộc thiểu số phía bắc di cư vào địa bàn để lập nghiệp, do họ tập trung phá rừng làm nương rẫy nên trong thời gian này lãnh đạo Lâm trường Buôn W có chủ trương mời các trưởng, phó Buôn D, xã E lên công ty để làm việc với nội dung yêu cầu những hộ dân di cư này không được phá rừng làm nương rẫy. Ông Triệu Tắc S thời điểm này là Buôn trưởng Buôn D nên đã được mời lên để quán triệt về chủ trương này cho bà con dân tộc trong buôn chứ Lâm trường Buôn W không hề có chủ trương, chính sách giao đất cho các hộ dân ở Buôn D hay cho cá nhân nhân ông S.

*** *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Triệu Tắc S:*** Ông Hoàng Văn C trình bày:

- *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông Schi xác định chỉ đòi tiền vợ chồng anh Q, chứ không có yêu cầu giải quyết tranh chấp về đất đai. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp “*kiện đòi tài sản*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung và yêu cầu:*

Vào năm 1998, ông Triệu Tắc S khai hoang được 05 sào đất tại khu vực tiều 334, thuộc thửa số 56, tờ bản đồ 41, địa chỉ buôn D, xã E. Do tuổi cao sức khỏe yếu nên ông S đã sang nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng anh Q. Tại giấy sang nhượng đất đề ngày 20/11/2004 (*âm lịch*), nội dung chỉ thể hiện hai bên sang nhượng đất cho nhau mà không ghi rõ số tiền và cũng chưa thể hiện việc trả tiền. Vì vậy đối với thửa đất này, tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, buộc vợ chồng anh Q trả cho ông S số tiền là 100.000.000 đồng.

Đối với thửa đất số 94, tờ bản đồ số 42, có diện tích 5.904,9m² tại xã E, hai bên lập giấy sang nhượng vào ngày 03/02/2006, với giá thỏa thuận là 2.500.000 đồng. Tại giấy sang nhượng thể hiện ông S là người ký giấy sang nhượng, có người làm chứng là ông Đặng Văn S, vợ chồng anh Q cũng đã trả đủ tiền. Vì vậy việc khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q trả tiền của ông S là không có căn cứ.

Đối với thửa đất 1.000m² mà ông S cho rằng ông S được nông trường Buôn W cấp để làm nhà ở. Tuy nhiên chứng cứ tại hồ sơ thể hiện, năm 2000 vợ chồng anh Q đã nhận chuyển nhượng của một người dân tộc Ê Đê, đến năm 2016 anh Q đã chuyển nhượng lại cho người khác. Bản thân Lâm trường Buôn W cũng xác định

không cấp đất cho ông S. Vì vậy cũng không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi trả tiền của ông S đối với thửa đất này.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CuM'gar phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tổ tụng dân sự của Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán về cơ bản đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Đối với đương sự:*

+/ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 86 BLTTDS.

+ Bị đơn: Thực hiện đúng, chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

- *Về nội dung vụ án:*

Vào năm 1998 ông S đã khai hoang được 05 sào đất và anh Q cũng khai hoang được 05 sào đất liền kề. Đến năm 2004 ông S đã viết giấy chuyển nhượng lại phần diện tích đất gia đình khai phá cho anh Q. Việc chuyển nhượng ông S trực tiếp viết giấy vào ngày 20/11/2004 (*âm lịch*). Năm 2017, thửa đất số 56, tờ bản đồ số 41 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 651816 cho Anh Triệu Quý Q và chị Lục Thị T.

Năm 2006 vợ chồng anh Q nhận chuyển nhượng của ông Triệu Tắc S thửa đất số 94, tờ bản đồ số 42, tại xã E. Thời điểm đó ông S thỏa thuận chuyển nhượng cho vợ chồng anh Q với giá 2.500.000 đồng, anh Q đã trả đủ tiền. Giấy chuyển nhượng được lập vào ngày 03/02/2006 do ông Đặng Văn S trực tiếp viết và ký vào người làm chứng. Năm 2017 vợ chồng anh Q cũng đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này cho ông Triệu Quý Q và bà Lục Thị T. Khi đăng ký kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Triệu Tắc S đã ký giấy cho tặng đất cho Triệu Quý Q.

Vào năm 2000 thì vợ chồng Triệu Quý Q và Lục Thị T nhận chuyển nhượng của người dân tộc tại chỗ 01 thửa đất. Đến năm 2016 anh Q đã chuyển nhượng lại cho ông Lục Văn H và Lý Minh D, hiện nay hai gia đình này đã làm nhà trên diện tích đất này. Đối với thửa đất thổ cư ông Triệu Tắc S không hề có liên quan gì.

Quá trình giải quyết ông Triệu Tắc S cũng công nhận việc “*giấy nhượng lại đất cho con làm cà phê*” lập ngày 03/2/2006, giấy này do ông Đặng Văn Sinh viết. Chữ ký Tắc Sênh dưới mục “*Người để lại đất*” là ông Ský. Còn “*giấy sang nhượng đất*” đề ngày 20/11/2004 là do ông Triệu Tắc S trực tiếp viết và ký tên dưới mục “*người sang nhượng*”

Ông Đặng Văn Sinh công nhận việc Ông Triệu Tắc S có để lại cho con trai Triệu Quý Quang, vợ là Lục Thị T diện tích đất là 5 sào với số tiền là 2.500.000 đồng. Đã viết giấy sang nhượng ông Triệu Tắc S đã ký và nhận tiền.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh của ông Phạm Văn L, nguyên phó giám đốc Lâm trường buôn W thì Lâm trường buôn W không có chủ trương và cũng không giao đất cho hộ đồng bào nào tại buôn D giống như lời trình bày của ông Triệu Tắc S.

Như vậy, giữa ông Triệu Tắc S và Triệu Quý Q mặc dù là cha con nhưng việc chuyển nhượng được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, thỏa thuận hai bên đã thanh toán sòng phẳng với nhau và có giấy tờ sang nhượng. Hơn nữa vợ chồng anh Q là người trực tiếp, quản lý, sử dụng đã lâu và đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Triệu Quý Q và Lục Thị T. Ông Triệu Tắc S là người trực tiếp ký giấy tặng cho đất cho Triệu Quý Q làm thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc ông Triệu Tắc S yêu cầu anh Triệu Quý Q và Lục Thị T phải trả tiền đất cho ông Triệu Tắc S, mỗi thửa 100.000.000 đồng, tổng cộng 03 thửa là 300.000.000 đồng. Riêng mảnh đất thổ cư Q đã chuyển nhượng 100.000.000 đồng, ông S đã lấy 10.000.000 đồng nên chỉ còn lại 90.000.000 đồng. Ông S yêu cầu ông Quang phải trả cho ông S tổng số tiền là 290.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Tắc S:

Về án phí: Ông Triệu Tắc S là người thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn giảm án phí nên ông Triệu Tắc S không phải chịu án phí theo Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Ông Triệu Tắc S khởi kiện yêu cầu vợ chồng Anh Triệu Quý Q và chị Lục Thị T trả tiền. Đây là quan hệ tranh chấp về dân sự kiện đòi tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

Năm 1998, ông Triệu Tắc S cùng gia đình khai hoang được 05 sào đất tại khu vực tiêu khu 334, do sức khỏe yếu nên đến năm 2004 ông S đã sang nhượng lại diện tích đất này cho vợ chồng anh Q. Việc sang nhượng có lập thành văn bản (*giấy sang nhượng đất, ngày 20/11/2004 âm lịch*), ông Triệu Tắc S có ký tên người sang nhượng và cam đoan không tranh chấp với ai. Diện tích đất này cộng

với diện tích đất liền kề mà vợ chồng anh Q tự khai hoang đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 651816, có thửa số 56, tờ bản đồ 41, diện tích 13.347,1m², cấp ngày 10/4/2017 cho vợ chồng anh Q.

Ngày 03/02/2006, ông S tiếp tục sang nhượng cho vợ chồng anh Q thửa đất có diện tích khoảng hơn 05 sào (5904,9m²) đất với giá 2.500.000 đồng, thửa đất này có nguồn gốc là do ông S nhận chuyển nhượng của ông Lương Văn V (*Lương V*). Tại thời điểm sang nhượng hai bên cũng làm giấy viết tay với nhau “*giấy nhượng lại đất cho con làm cà phê*”, ông S có ký người chuyển nhượng, bà Lục Thị T ký bên nhận đất và có xác nhận của người làm chứng là ông Đặng Văn S, thời điểm đó là Buôn trưởng Buôn D. Vợ chồng anh Q đã trả đủ tiền cho ông S. Hiện tại thửa đất này cũng đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất số cb 651815, thửa số 94, tờ bản đồ 42, có diện tích là 5.904,9m², ngày 10/4/2017 cho vợ chồng anh Q.

Đối với thửa đất 1.000m² còn lại, quá trình thu thập thể hiện thửa đất này có nguồn gốc là do vợ chồng anh Q nhận chuyển nhượng của gia đình bà H Nhơn Rc, chứ không phải là do Lâm trưởng Buôn W cấp cho ông S, sau đó ông S cho vợ chồng anh Q mượn canh tác như ông S đã trình bày.

Quá trình giải quyết ông Triệu Tắc S cũng thừa nhận “*giấy nhượng lại đất cho con làm cà phê*” lập ngày 03/2/2006 là do ông Đặng Văn S viết, thời điểm đó ông Sinh là buôn Trưởng buôn D, chữ ký Tắc S dưới mục “*Người để lại đất*” là do ông S ký. Đối với “*giấy sang nhượng đất, đề ngày 20/11/2004 (âm lịch)*” là do ông Triệu Tắc S trực tiếp viết và ký tên dưới mục “*người sang nhượng*”. Tại phiên tòa ông S cũng thừa nhận đã sang nhượng 02 thửa đất nói trên cho vợ chồng anh Q và đã nhận của vợ chồng anh Q hai lần tiền, một lần 2.500.000 đồng; một lần 4.000.000 đồng. Tuy nhiên lý do ông Skhởi kiện vợ chồng anh Q là do trước đây vợ chồng anh Q dám kiện ông ra tòa (*đã rút đơn*) nên ông tức ông mới kiện đòi tiền.

Tại phiên tòa; Nguyên đơn ông Triệu Tắc S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu vợ chồng anh Q phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 290.000.000 đồng. Phía bị đơn, anh Q, chị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bởi lẽ vợ chồng anh Q đã trả đủ tiền cho ông S, diện tích đất còn lại có nguồn gốc do vợ chồng anh Q nhận chuyển nhượng của người khác chứ không liên quan gì đến ông S.

Hội đồng xét xử xét thấy; vào ngày 20/11/2004 (*âm lịch*) và ngày 02/03/2006, giữa ông S và vợ chồng anh Q có xác lập với nhau 02 hợp đồng sang nhượng QSD đất là thực tế. Tại thời điểm sang nhượng, mặc dù cả 02 thửa đất này chưa có giấy tờ (*chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất*), nhưng tại thời điểm vợ chồng anh Q làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận QSD đất, giữa hai bên có lập lại hợp đồng với nhau (*giấy cho tặng QSD đất và đơn xin xác nhận mối quan hệ gia đình cùng ngày 02/12/2016*), dưới sự xác nhận của UBND xã E, ông S ký giấy và không có ý kiến khiếu nại gì về việc xin cấp giấy chứng nhận QSD đất

của vợ chồng anh Q. hiện tại thì cả 02 thửa đất này đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSD đất cho vợ chồng anh Q.

Đối với thửa đất có diện tích 1.000m² có địa chỉ tại buôn dao, xã E mà ông Sc ho rằng được Lâm trường Buôn W cấp cho ông để làm nhà ở vào năm 1998. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông S không chứng minh được nên không có căn cứ để xem xét.

Từ những căn cứ, phân tích và nhận định nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Tắc S về việc kiện đòi tiền.

[4] Về án phí DSST:

Ông Triệu Tắc S thuộc đối tượng hộ nghèo, người có công với cách mạng, người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Triệu Tắc S được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Triệu Quý Q và bà Lục Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự.

-Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu,miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Triệu Tắc S.

*** Về án phí DSST:**

Ông Triệu Tắc S được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Triệu Quý Q và bà Lục Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh

CÁC HTND

TV. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh

